

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Công ty cổ phần M

Địa chỉ: tầng M toà nhà V, số C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Bùi Công T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty cổ phần M).

+ Ông Nguyễn Đăng L (trưởng bộ phận xử lý nợ), ông Đinh Ngọc T, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Dương Kim C (chuyên viên xử lý nợ) là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền về việc khởi kiện và tham gia tố tụng số 3410/2024/UQ-M ngày 05/12/2024).

- Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: toà nhà V, số T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Ngô Chí D là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V).

+ Ông Nguyễn Mạnh H (chuyên viên xử lý nợ) là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền về việc khởi kiện và tham gia tố tụng số 01/2024/UQ-VPBANK ngày 05/12/2024).

Bị đơn: ông Cao Văn T, sinh năm: xxxx và bà Lê Thị Phương L, sinh năm:

xxxx; cùng nơi cư trú: tổ S, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Tính đến hết ngày 08/4/2025 ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L còn nợ Công ty cổ phần M, Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là:

- Đối với Công ty cổ phần M: ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L còn nợ tổng số tiền: 4.636.435.556 đồng, trong đó nợ gốc là 3.623.547.614 đồng lãi trong hạn là 277.882.220 đồng, lãi quá hạn là 675.442.912 đồng, lãi chậm trả là 59.562.810 đồng.

- Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần V: ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L còn nợ tổng số tiền 515.159.506 đồng, trong đó nợ gốc là 402.616.402 đồng, lãi trong hạn là 30.875.802 đồng, lãi quá hạn là 75.049.212 đồng, lãi chậm trả là: 6.618.090 đồng.

Theo các hợp đồng cho vay số LN1908291643039 ngày 30/8/2019; LN1909051656669 ngày 07/9/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L; hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-M ngày 31/5/2024, phụ lục 01 hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-M ngày 31/5/2024 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M.

Công ty cổ phần M, Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L thỏa thuận phương thức trả nợ cụ thể như sau:

Chấm dứt hợp đồng cho vay số LN1908291643039 ngày 30/8/2019; LN1909051656669 ngày 07/9/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V chi nhánh Hà Nội và ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L.

Chậm nhất ngày 18/4/2025 ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L trả toàn bộ số tiền 4.636.435.556 đồng cho Công ty cổ phần M; số tiền 515.159.506 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và các khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

2.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/4/2025 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản vay, ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng cho vay số LN1908291643039 ngày 30/8/2019; số LN1909051656669 ngày 07/9/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V, chi nhánh Hà Nội và ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3 Trường hợp ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L vi phạm thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L đồng ý để Công ty cổ phần M, Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan T hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thôn M, xã C (nay là xã H), thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP459973, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00082 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 01/8/2019 mang tên ông Cao Văn T và bà Lê Thị Phương L và hiện trạng tài sản thế chấp như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, theo hợp đồng thế chấp số

LN 1908291643039 ngày 30/8/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V, chi nhánh Q, phòng giao dịch C và ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L.

Trường hợp số tiền thu được từ việc thu hồi tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông Cao Văn T, bà Lê Thị Phương L còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M, Ngân hàng thương mại cổ phần V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2.4 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty cổ phần M, Ngân hàng thương mại cổ phần V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

2.5 Về án phí: ông Cao Văn T và bà Lê Thị Phương L tự nguyện nộp 56.575.797đ (năm mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty cổ phần M 56.151.574đ (năm mươi sáu triệu một trăm năm mươi một nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000807 ngày 02/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, Ngân hàng thương mại cổ phần V 11.562.552đ (mười một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm năm mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000xxx ngày xx/x/xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDTP C;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSTP C;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thu Đông

